

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **34/2024/HS-ST**
Ngày 16-8-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan; bà Trần Thị Mỹ Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vịnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 34/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Đại T (tên gọi khác: C), sinh ngày 01/11/1992. Tại: tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn 2A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đại Th, sinh năm 1958 và con bà Phan Thị T1, sinh năm 1961; Bị cáo chưa có vợ, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/3/2024 cho đến nay. Hiện tại ngoại; *có mặt*.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Đại T có: Trợ giúp viên pháp lý Phan Thị T2 - Thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: 39 L, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; *có mặt*.

- Bị hại: Võ Trường V, sinh năm 1992, trú tại: Thôn 2A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; *có mặt*.

- Người làm chứng:

1. Bà Lê Thị T3, sinh năm 1959, trú tại: Thôn 2A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; *có mặt*.

2. Chị H N Mlô, sinh năm 1996, trú tại: Thôn 2A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; *có mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 17/11/2023, Lê Đại T4, trú tại thôn 2A, xã H, huyện K đến nhà Võ Trường V trú cùng thôn uống rượu cùng với V, Lê Khắc N và T5. Đến khoảng 17 giờ 20 phút cùng ngày V đi ra ngoài tiễn N và T5 về. Khi V quay vào nhà thì thấy T4 đang nằm dưới nền nhà xung quanh khu vực T4 nằm bị ướt, cho rằng T4 say rượu nên đá ra nhà. V đi sang nhà Lê Đại T (anh ruột của T4) trú cùng thôn. Khi V đi vào khu vực đường luồng gần phòng bếp nhà T thấy T đang ở trong bếp V nói “Mày qua dẫn em mày về, nó đá đầy nhà tao” T nói “Kệ mẹ nó”, V nói “Vậy tao kéo nó ra ngoài sân”. T nói “Kệ nó” nhưng V cứ bắt T đến nhà V đưa T4 về nên bực tức T đã lấy 01 con dao dài 47cm, lưỡi dao bằng kim loại, cán bằng gỗ, lưỡi dao dài 33,5cm, chém 01 nhát vào gò má bên trái V. V dùng 02 tay giữ tay T lại, hai bên giằng co nhau. Trong lúc giằng co thì con dao trên tay T gây nên 03 thương tích ở phần sườn sau lưng trái V. V bỏ chạy ra ngoài T đuổi theo ra ngoài đường phía trước nhà T thì V bị ngã. V đứng dậy chạy tiếp thì bị T chém thêm 01 cái vào lưng phải. Sau đó V chạy về nhà mẹ đẻ và được đưa đi cấp cứu. T bỏ vào nhà.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 21/KLTTCT-PY ngày 13/12/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk đối với thương tích của Võ Trường V: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ y tế: Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Võ Trường V tại thời điểm giám định là: 15%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

* Kết luận khác:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do từng thương tích của Võ Trường V:

+ Vết thương để lại sẹo vùng gò má - thái dương trái, hơi cong, mở rộng xuống dưới, ra sau, tỷ lệ: 6% (sáu phần trăm), (Mục I.2, nguyên tắc 2, chương 8).

+ Xây xát để lại sẹo nằm chéo mặt trước 1/3 dưới vùng cổ bên trái, bờ gọn kích thước 0,8cmx0,2cm, tỷ lệ 2% (hai phần trăm), (Mục I.1, nguyên tắc 2, chương 8).

+ Vết thương mở rộng để lại sẹo nằm chéo vùng lưng phải, đầu trên cách đốt sống D6 6cm, đầu dưới cách đốt sống D9 1,5cm; bờ đều, kích thước (9x0,3)cm, tỷ lệ : 2% (hai phần trăm), (Mục I.2, chương 8).

+ Xây xát để lại ba sẹo vùng lưng trái, thứ tự từ trên xuống dưới, từ phải qua trái, bờ gọn:

Sẹo thứ nhất nằm chéo, đầu phía trong cách cột sống D8 (11cm), đầu phía ngoài sát đường nách sau, kích thước (8,5x0,1)cm, tỷ lệ 2% (hai phần trăm), (Mục I.2, chương 8).

Sẹo thứ hai dưới sẹo thứ nhất 8cm, kích thước (10,5x0,1)cm, tỷ lệ 2% (hai phần trăm), (Mục I.2, chương 8).

Sẹo thứ ba bắt chéo sẹo thứ hai, kích thước (13,5x0,2)cm, tỷ lệ 2% (Hai phần trăm), (Mục I.2, chương 8).

- Vật tác động: Vật sắt và vật tày, cứng có cạnh.

- Cơ chế hình thành thương tích:

+ Vết thương để lại sẹo vùng gò má - thái dương trái, hơi cong, mở rộng xuống dưới, ra sau là do tác động trực tiếp của vật sắc hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, từ trái qua phải

+ Xây xát để lại sẹo nằm chéo mặt trước 1/3 dưới vùng cổ bên trái, bờ gọn là do tác động trực tiếp của vật tày, cứng, có cạnh hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, từ trái qua phải

+ Vết thương mở rộng để lại sẹo nằm chéo vùng lưng phải, đầu trên cách đốt sống D6 6cm, đầu dưới cách đốt sống D9 1,5cm; bờ đều là do tác động trực tiếp của vật sắt hướng từ sau ra trước, từ trên xuống dưới, từ phải qua trái.

- Xây xát để lại ba sẹo vùng lưng trái, thứ tự từ trên xuống dưới, từ phải qua trái, bờ gọn là do tác động trực tiếp của vật sắt hướng từ sau ra trước, từ trên xuống dưới, từ trái qua phải.

Quá trình xác minh, điều tra V khai vết xây xát để lại sẹo nằm chéo mặt trước 1/3 dưới vùng cổ bên trái, bờ gọn (2%) là do sáng ngày 17/11/2023 V đi làm rầy cà phê gây ra.

- Vật chứng thu giữ được: 01 (một) con dao dài 47cm, cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, màu đen, dài 33,5cm, lưỡi dao có bản rộng nhất 06cm, bản nhỏ nhất 03cm, đầu nhọn.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS-HS ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc đã truy tố bị cáo Lê Đại T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Đại T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với lời khai của bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra, đúng với nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa và thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc đã truy tố bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đúng và không oan.

Tại phiên tòa bị hại Võ Trường V khai: Vào khoảng 17 giờ 45 ngày 17/11/2023, tại nhà của Lê Đại T ở thôn 2A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Lê Đại T đã có hành vi dùng con dao chém vào người bị hại. Cụ thể T đã dùng con dao dài 47cm, lưỡi dao bằng kim loại, cán bằng gỗ, lưỡi dao dài 33,5cm chém 01 cái vào gò má trái, trong quá trình giằng co thì T làm cho bị hại bị thương tích ở vùng lưng trái, sau đó bị hại bỏ chạy ra ngoài thì bị T đuổi theo ra ngoài đường phía trước nhà của T thì bị hại bị ngã, bị hại đứng dậy chạy tiếp thì bị T chém tiếp 01 cái nữa trúng vào sau lưng phải. Tổng tỷ lệ thương tích mà T gây ra cho bị hại là 13%.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Đại T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Đại T mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy đối với 01 (một) con dao dài 47cm, cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, màu đen, dài 33,5cm, lưỡi dao có bản rộng nhất 06cm, bản nhỏ nhất 03cm, đầu nhọn (theo Quyết định chuyển vật chứng số 24/KSĐT-HS ngày 17/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc và biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/7/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc với Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc).

- *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại Võ Trường V không yêu cầu bị cáo Lê Đại T phải bồi thường. Do đó không đề cập để xem xét giải quyết.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Lê Đại T tranh luận: Về cơ bản Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Lê Đại T nhất trí với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk về việc truy tố bị cáo Lê Đại T về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Việc truy tố đối với bị cáo theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không tranh luận gì mà Trợ giúp viên pháp lý chỉ đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đó là: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo có bồi thường cho bị hại nhưng bị hại không nhận và được bị hại thừa nhận; bị cáo phạm tội có một phần lỗi của bị hại và bị cáo thuộc diện hộ nghèo của xã H. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập; Về án phí: do bị cáo Lê Đại T thuộc diện hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Đại T nhất trí với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý và không bào chữa tranh luận gì thêm.

Tại phiên tòa bị hại Võ Trường V không tranh luận gì mà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý bị cáo Lê Đại T theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tranh luận với quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Lê Đại T: Xét thấy bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ, dùng hung khí nguy hiểm có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm. Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, viện kiểm sát đề nghị 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù là tương xứng với hành vi, hậu quả bị cáo gây ra. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm đề xuất của Trợ giúp viên pháp lý về việc áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Khi nói lời sau cùng thì bị cáo Lê Đại T không nói gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo Lê Đại T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với kết luận thương tích, biên bản hiện trường và những chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 45 ngày 17/11/2023, tại nhà của bị cáo Lê Đại T ở tại thôn 2A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do mâu thuẫn cá nhân nên bị cáo đã dùng con dao dài 47cm, cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, màu đen, dài 33,5cm, lưỡi dao có bản rộng nhất 06cm, bản nhỏ nhất 03cm, đầu nhọn chém vào Võ Trường V. Cụ thể chém trúng vào gò má trái 01 cái, trong quá trình giằng co với anh V thì bị cáo làm cho V bị thương tích ở vùng lưng trái, anh V bỏ chạy ra ngoài thì bị cáo đuổi theo, anh V ra ngoài đường phía trước nhà của bị cáo thì anh V bị ngã, anh V đứng dậy chạy tiếp thì bị bị cáo chém tiếp 01 cái nữa vào sau lưng phải của V. Hậu quả anh Võ Trường V bị thương tích 13%. Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Đại T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại Điều 134 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Dùng hung khí nguy hiểm;

.....

i) Có tính chất côn đồ;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.”

.....

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi để nhận biết được sức khỏe là vốn quý của con người và luôn được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, do ý thức coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác mà vào khoảng 17 giờ 45 ngày 17/11/2023, tại nhà của bị cáo ở tại thôn 2A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do mâu thuẫn cá nhân nên bị cáo đã dùng con dao chém anh Võ Trường V 01 cái vào gò má trái, sau đó anh V giữ tay của bị cáo lại và hai bên có sự giằng co nhau, trong quá trình giằng co thì bị cáo làm cho anh V bị thương tích ở vùng lưng trái, anh V bỏ chạy ra ngoài thì bị cáo đuổi theo, anh V ra ngoài đường phía trước nhà của bị cáo thì anh V bị ngã, anh V đứng dậy chạy tiếp thì bị bị cáo chém tiếp 01 cái nữa vào sau lưng phải của V. Tổng tỷ lệ thương tích mà bị cáo gây ra cho anh V là 13%. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý mà bị cáo gây ra. Nên Hội đồng xét xử cần phải xử lý bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc thì mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và nhân thân của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo có bồi thường cho bị hại nhưng bị hại không nhận và được bị hại thừa nhận tại phiên tòa; tại phiên tòa bị hại thừa nhận bị cáo phạm tội là có một phần lỗi của bị hại. Ngoài ra bị cáo thuộc diện hộ nghèo của xã H. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy đối với 01 (một) con dao dài 47cm, cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, màu đen, dài 33,5cm, lưỡi dao có bản rộng nhất 06cm, bản nhỏ nhất 03cm, đầu nhọn (theo Quyết định chuyển vật chứng số 24/KSĐT-HS ngày 17/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc và biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/7/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc với Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc).

[6] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 590 của Bộ luật dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc đối với bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức đề nghị hình phạt, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến, quan điểm của Viện kiểm sát.

[8] Đối với quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Lê Đại T tại phiên tòa: ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự thì Trợ giúp

viên pháp lý còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Xét đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý đối với việc áp dụng các quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có cơ sở nên cần xem xét; đối với việc áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 23, Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Lê Đại T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo Lê Đại T thuộc diện hộ nghèo của xã H và bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì vậy, Tòa án miễn án phí cho bị cáo Lê Đại T nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, các Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố:

1. Về tội danh: Bị cáo Lê Đại T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Đại T 03 (Ba) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.
3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy đối với 01 (một) con dao dài 47cm, cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại, màu đen, dài 33,5cm, lưỡi dao có bản rộng nhất 06cm, bản nhỏ nhất 03cm, đầu nhọn (theo Quyết định chuyển vật chứng số 24/KSĐT-HS ngày 17/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc và biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/7/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc với Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc).

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 590 của Bộ luật dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bị cáo Lê Đại T phải bồi thường. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Bị cáo Lê Đại T được miễn tiền án phí nên bị cáo không phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ - TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- T.H.A hình sự Công an huyện Krông Pắc;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Pắc;
- HSNV Công an huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Bị cáo;
- Bị hại;
-;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh